

Số: *11* /2016/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2016

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động
cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ,
bàn đổi ngoại tệ của cá nhân**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối số 06/2013/UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ, hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, bàn đổi ngoại tệ của cá nhân.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ (sau đây gọi là Thông tư số 34/2015/TT-NHNN)

1. Bổ sung tiết (vii) vào điểm a khoản 4 Điều 7 như sau:

“(vii) Chi chuyển sang tài khoản ngoại tệ của tổ chức tín dụng được phép làm đại lý chi, trả ngoại tệ để chi, trả cho người thụ hưởng.”

2. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Hoạt động của đại lý chi, trả ngoại tệ

1. Tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng được phép được nhận ngoại tệ tiền mặt từ tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế ủy quyền. Tổ chức tín dụng được phép làm đại lý chi, trả ngoại tệ cho tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng được phép khác được nhận ngoại tệ tiền mặt hoặc chuyển khoản từ tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế ủy quyền.

2. Tổ chức làm đại lý chi, trả ngoại tệ thực hiện chi trả cho người thụ hưởng bằng ngoại tệ tiền mặt hoặc đồng Việt Nam tiền mặt theo tỷ giá do tổ chức ủy quyền quy định.

3. Việc ứng tiền để chi, trả cho người thụ hưởng thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý chi, trả ngoại tệ ký giữa tổ chức tín dụng được phép, tổ chức kinh tế ủy quyền và tổ chức làm đại lý chi, trả ngoại tệ.”

3. Bổ sung điểm d vào khoản 3 Điều 11 như sau:

“d) Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b, d và đ khoản 1 Điều này.”

4. Khoản 2, khoản 3 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản thông báo rõ lý do.

3. Trình tự, thủ tục chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ) đối với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam:

a) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Tổng công ty Bưu điện Việt Nam bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi,

trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo rõ lý do.”

5. Bổ sung Điều 13a vào sau Điều 13 như sau:

“Điều 13a. Nguyên tắc thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ; gia hạn hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ của tổ chức tín dụng

1. Tổ chức tín dụng thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ sau khi được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ.

2. Tổ chức tín dụng thực hiện gia hạn hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ khi văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn nơi tổ chức tín dụng đặt trụ sở chính cấp còn hiệu lực tối thiểu 30 (ba mươi) ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ xin gia hạn và không vi phạm chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 22 Thông tư này trong tối thiểu 04 (bốn) quý từ thời điểm được cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc văn bản chấp thuận gia hạn gần nhất đến thời điểm xin gia hạn.”

6. Bổ sung điểm d vào khoản 3 Điều 14 như sau:

“d) Thành phần hồ sơ theo quy định tại điểm b và d khoản 1 Điều này.”

7. Khoản 2, khoản 3 Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản thông báo rõ lý do.

3. Trình tự, thủ tục chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (hoặc thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý) đối với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam:

a) Tổng công ty Bưu điện Việt Nam gửi 01 (một) bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Tổng công ty Bưu điện Việt Nam bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này); văn bản chấp thuận thay đổi, bổ sung, gia hạn đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ (theo mẫu tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này). Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo rõ lý do.”

8. Khoản 1 Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Nguyên tắc chuyển đổi:

a) Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc Giấy phép làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ phải thực hiện chuyển đổi sang văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo quy định tại Thông tư này. Quá thời hạn nêu trên, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng không thực hiện chuyển đổi hoặc không được chuyển đổi do không đáp ứng quy định tại điểm c, điểm d khoản này phải chấm dứt hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ;

b) Trong thời gian thực hiện chuyển đổi, tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng được tiếp tục thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo Giấy xác nhận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ hoặc Giấy phép làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ đã được cấp;

c) Các tổ chức kinh tế đã được cấp Giấy phép làm dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ được chuyển đổi sang văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ khi đáp ứng các quy định của Chính phủ về điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ;

d) Các tổ chức kinh tế đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ được chuyển đổi sang văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ khi đáp ứng các quy định của Chính phủ về điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đại lý chi, trả ngoại tệ;

đ) Các tổ chức tín dụng đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ được chuyển đổi sang văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ.”

9. Điểm b khoản 4 Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ.

Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn xem xét, chuyển đổi thành văn bản chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ hoặc văn bản chấp thuận đăng ký đại lý chi, trả ngoại tệ. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn có văn bản thông báo rõ lý do.”

10. Điểm a khoản 5 Điều 23 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam phải thực hiện các thủ tục đề nghị chấp thuận trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Thông tư này khi đáp ứng các quy định của Chính phủ về điều kiện đối với tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động trực tiếp nhận và chi, trả ngoại tệ;”

11. Sửa đổi tên Chương II và Chương III:

a) Chương II được sửa đổi như sau: **“TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ; CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN TRỰC TIẾP NHẬN VÀ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ”;**

b) Chương III được sửa đổi như sau: **“TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ; CHẤP THUẬN THAY ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN ĐĂNG KÝ ĐẠI LÝ CHI, TRẢ NGOẠI TỆ”.**

12. Bãi bỏ Điều 10, Điều 13, khoản 2 Điều 23 và cụm từ “số Chứng minh nhân dân (hoặc các giấy tờ khác tương đương theo quy định của pháp luật)” tại điểm b khoản 1 Điều 20 Thông tư số 34/2015/TT-NHNN.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Đại lý đổi ngoại tệ ban hành kèm theo Quyết định số 21/2008/QĐ-NHNN ngày 11/7/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Quy chế Đại lý đổi ngoại tệ)

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động đổi ngoại tệ của tổ chức kinh tế làm đại lý đổi ngoại tệ cho tổ chức tín dụng được phép trên lãnh thổ Việt Nam.”

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng